

UBND XÃ BÌNH TUYÊN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 267/CV - QLDA
V/v niêm yết công khai phương
án bồi thường, hỗ trợ, tái định
cư trên cổng thông tin của
UBND xã Bình Tuyên

Bình Tuyên, ngày 16 tháng 06 năm 2026

Kính gửi: Phòng Văn hóa - Xã hội xã Bình Tuyên.

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Điều b, Khoản 9, Điều 3, Nghị quyết số 254/2025/NQ-QH15 quy định “Thời hạn niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã là 10 ngày. Thời hạn tổ chức đối thoại trong trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là không quá 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”.

Để đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Ban quản lý dự án xã đề nghị Phòng Văn hóa – Xã hội đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, GPMB dự án sau:

Dự án: Đường từ ĐT.310B kết nối đường Đ3 khu vực thôn Thanh Lanh, xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên.

Địa điểm thực hiện: Thôn Mỹ Khê, xã Bình Tuyên, tỉnh Phú Thọ.

(Các phương án bồi thường, GPMB kèm theo)

Ban quản lý dự án đề nghị Phòng Văn hóa – xã hội quan tâm phối hợp./.

Nơi nhận:

- Như kg;
- UBND xã (B/c);
- Lưu: VT,QLDA.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

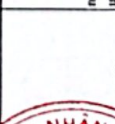


Phạm Đức Lợi

BIỂU 03: PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ GRMB ĐẤT NÔNG NGHIỆP QUY 1, ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÔNG CÓ GIẤY TỜ VÉ QSD ĐẤT
CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (THU HỒI DƯỚI 10% DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐANG SỬ DỤNG)

Dự án: Thành phần 1: Bồi thường GRMB phục vụ DTXD Đường từ DT.310B kết nối đường D3 thuộc thôn Thanh Lành, xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên (nay là thôn Thanh Lành, xã Bình Thuận, tỉnh Phú Thọ)

Địa điểm: Thôn Mỹ Khê - xã Bình Thuận - tỉnh Phú Thọ
(Kèm theo Biên bản nghiệm xét ngày tháng năm 2026)

STT	Tên chủ sử dụng đất	Số sổ CCCTD	Thông tin hồ sơ địa chính							Thông tin theo mảnh trích đo địa chính thu hồi và giao đất			Diện tích thu hồi (m ²)										Số mẫu	Tổng DT đang sử dụng	Tỷ lệ % DTTH	Bồi thường, hỗ trợ vé đất: 95.000đ/m ²	Bồi thường hoa màu 12.333đ/m ²	Hỗ trợ CPN 475.000đ/m ²	Hỗ trợ ăn định đơn sống theo nhân khẩu: 30*16.000* 3=1.440.000đ/ha	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ
			Số tờ bản	Số thửa	Tổng DT	Xứ đông	Loại đất	Nguồn gốc đất thu hồi	Số thửa	DT (m ²)	Tổng DT	Trong chi giới	Ngoài chi giới	Trong đó			Đất không có giấy tờ vé QSD đất													
														Quy 1	Thôn	Thửa														
1	Nguyễn Văn Ngọc (Thôn)	0260800 10671	54	87	113,5	Dinh Hồ BHK	Đất đai cấp CCN QSD đất	4	97	113,5	6,8	6,8				6,8	4,0	5.474,3			646.000	83.864	3.210.000	5.760.000	9.719.864					
			54	155	178,4	Dinh Hồ BHK	Đất đai cấp CCN QSD đất	4	155	178,4	178,4	173,1	5,3				178,4			16.948.000	2.200.207	84.740.000		103.888.207						
			Tổng		291,9					291,9	185,2	179,9	5,3	-	-	-	185,2	4,0	5.474,3	3,38%	17.594.000	2.284.072	87.970.000	5.760.000	113.608.072					
			54	180	225,9	Dinh Hồ BHK	Đất đai cấp CCN QSD đất	4	180	225,9	225,9	224,7	1,2				225,9	5,0	2.769,2	8,16%	21.460.500	2.786.025	107.302.500	7.200.000	138.749.025					
			54	154	132,0	Dinh Hồ BHK	Đất đai cấp CCN QSD đất	4	154	132,0	132,0	75,2	56,8				132,0	3,0	4.099,2	3,22%	12.540.000	1.627.956	62.700.000	4.320.000	81.187.956					
2	Luu Van Hai (Khuanh)	0260670 02588	54	31	281,5	Dinh Hồ BHK	Đất đai cấp CCN QSD đất	4	31	281,5	256,6	256,6				256,6	3,0	24.138,6			24.377.000	3.164.648	121.885.000	4.320.000	153.746.648					
			54	33	182,3	Dinh Hồ BHK	Đất đai cấp CCN QSD đất	4	33	182,3	64,7	64,7				64,7				6.146.500	797.945	30.732.500		37.676.945						
			54	54	48,3	Dinh Hồ BHK	Đất đai cấp CCN QSD đất	4	54	48,3	37,6	37,6				37,6				3.572.000	463.721	17.860.000		21.895.721						
			Tổng		543,8					543,8	358,9	358,9					358,9	6,0	52.036,4			55.293.500	6.529.314	260.517.500	8.640.000	303.472.814				
			54	31	281,5	Dinh Hồ BHK	Đất đai cấp CCN QSD đất	4	31	281,5	256,6	256,6					256,6	3,0	24.138,6			24.377.000	3.164.648	121.885.000	4.320.000	153.746.648				
3	Deep Van Quy (Tam)	0260820 06996	54	154	132,0	Dinh Hồ BHK	Đất đai cấp CCN QSD đất	4	154	132,0	132,0	75,2	56,8				132,0	3,0	4.099,2	3,22%	12.540.000	1.627.956	62.700.000	4.320.000	81.187.956					
			54	31	281,5	Dinh Hồ BHK	Đất đai cấp CCN QSD đất	4	31	281,5	256,6	256,6					256,6	3,0	24.138,6			24.377.000	3.164.648	121.885.000	4.320.000	153.746.648				
			54	33	182,3	Dinh Hồ BHK	Đất đai cấp CCN QSD đất	4	33	182,3	64,7	64,7					64,7				6.146.500	797.945	30.732.500		37.676.945					
			54	54	48,3	Dinh Hồ BHK	Đất đai cấp CCN QSD đất	4	54	48,3	37,6	37,6					37,6				3.572.000	463.721	17.860.000		21.895.721					
			Tổng		543,8					543,8	358,9	358,9					358,9	6,0	52.036,4			55.293.500	6.529.314	260.517.500	8.640.000	303.472.814				

PHỤ THỤC

Thông tin hồ sơ địa chính										Thông tin theo mảnh trích đo địa chính thửa đất và giao đất				Diện tích thửa đất (m ²)																					
Tên chủ sở hữu đất	Số CCCD	Số thửa	Số thửa	Tông DT	Xã/đồng	Loại đất	Nguyên gốc đất	Số thửa	Số thửa	DT (m ²)	Tông DT	Trong chi giới	Ngoài chi giới	Trong đó			Số thửa	Tông DT đang sử dụng	Tỷ lệ % DTTH	Biên thường, biên thửa đất	Biên thường, biên thửa đất	Hỗ trợ CDN	Hỗ trợ đất	Hỗ trợ đất	Hỗ trợ đất	Hỗ trợ đất	Hỗ trợ đất	Hỗ trợ đất							
														Quy 1	Thửa	Thửa													Đất không có giấy tờ và QSD đất						
Trương Văn Lâm (1/3) Trần Văn Lương	0260730 04140	34	32	327,4	Dinh Hò	BIH	Dầu dẽ cấp GCN QSD đất	4	32	327,4	235,8	235,8								22.401.000	2.908.121	112.005.000													
		34	53	695,3	Dinh Hò	BIH	Dầu dẽ cấp GCN QSD đất	4	53	695,3	245,8	245,8								23.351.000	3.031.451	116.755.000													
		34	76	134,3	Dinh Hò	BIH	Dầu dẽ cấp GCN QSD đất	4	76	134,3	79,7	79,7								7.571.500	982.940	37.857.500													
		34	77	52,5	Dinh Hò	BIH	Dầu dẽ cấp GCN QSD đất	4	77	52,5	52,5	52,5								4.987.500	647.483	24.937.500													
		34	99	59,9	Dinh Hò	BIH	Dầu dẽ cấp GCN QSD đất	4	99	59,9	54,8	54,8								5.206.000	675.848	26.030.000													
		34	52	538,6	Dinh Hò	BIH	Dầu dẽ cấp GCN QSD đất	4	52	538,6	136,7	136,7								12.986.500	1.685.921	64.932.500													
		34	19	443,2	Dinh Hò	BIH	Dầu dẽ cấp GCN QSD đất	4	19	443,2	210,3	210,3								19.978.500	2.593.630	99.892.500													
		Tông		2.763,3							2.763,3	1.374,5	1.374,5	-	-	-		3,0	24.138,6	5,69%	130.577.500	16.951.709	652.887.500	4.320.000	804.736.709										
		Luu Văn Binh (1/3)	0260700 08006	34	176	105,4	Dinh Hò	BIH	Dầu dẽ cấp GCN QSD đất	4	176	105,4	103,4	2,0					3,0	4.304,2	2,45%	10.013.000	1.299.898	50.065.000	4.320.000	65.697.898									
				34	199	188,5	Dinh Hò	BIH	Dầu dẽ cấp GCN QSD đất	4	199	188,5	184,2						1,0	15.498,4		17.499.000	2.271.739	87.495.000	1.440.000	108.705.739									
34	211			110,3	Dinh Hò	BIH	Dầu dẽ cấp GCN QSD đất	4	211	110,3	76,2	39,5	36,7							7.239.000	939.775	36.195.000	-	44.373.775											
Luu Phu Cường (1/3) Van Binh)	0260860 07774	34	212	94,1	Dinh Hò	BIH	Dầu dẽ cấp GCN QSD đất	4	212	94,1	94,1	94,1					1,0	15.498,4	2,29%	8.939.500	1.160.535	44.697.500													
		Tông		392,9						392,9	354,5	317,8	36,7	-	-	-				33.677.500	4.372.049	168.387.500	1.440.000	207.877.049											

Thông tin hồ sơ địa chính										Thông tin theo mảnh trích đo địa chính thu hồi và giao đất				Diện tích thu hồi (m ²)																	
STT	Tên chủ sở hữu	Số CCCD	Số tờ thửa	Tông DT	Nx đồng	Loại đất	Nguồn gốc đất thu hồi	Số thửa	Số thửa	DT (m ²)	Tông DT	Trong chi giới	Ngoài chi giới	Trong đó			Số thửa	Tông DT	Tỷ lệ % DT HH	Biên thường, bồi trợ về đất: 95.0000/m ²	Biên thường hoa màu 12.3310/m ²	Hỗ trợ CTĐN 475.0000/m ²	Hỗ trợ ổn định đời sống theo khoản: 30*16.00 0*3=1.440.000 /hầu	Tổng tiền bồi thường, bồi trợ							
														Quỹ 1	Thửa	Thửa															
1	Luu Van Phuong (Ba)	0260700 00431	54	200	204,3	Dinh Hô BHK	Đất du đãc cấp C/N QSD đất	4	200	204,3	184,4	184,4					184,4	3,0	6.295,1	2,93%	17.518.000	2.274.205	87.590.000	4.320.000	111.702.205						
2	Nguyễn Xuân Hùng (Hải)	0260580 00483	54	153	67,3	Dinh Hô BHK	Đất du đãc cấp C/N QSD đất	4	153	67,3	67,3	23,2	44,1				67,3	8,0	28.805,2	0,29%	6.391.500	830.011	31.967.500	11.520.000	50.711.011						
3			54	174	340,6	Dinh Hô BHK	Đất du đãc cấp C/N QSD đất	4	174	340,6	16,0	16,0					16,0				1.520.000	197.328	7.600.000		9.317.328						
4	Tổng				407,9			-	-	407,9	83,3	39,2	44,1	-	-	-	83,3	8,0	28.805,2	0,29%	7.913.500	1.027.339	39.567.500	11.520.000	60.028.339						
5	Luu Van Phuong (Ba)	0260680 00212	54	11	693,9	Dinh Hô CTN	Đất du đãc cấp C/N QSD đất	4	11	693,9	334,4	334,4					334,4	6,0	10.678,6	3,13%	31.768.000		158.840.000	8.640.000	199.248.000						
6	Luu Van Phuong (Ba)	0260720 00361	54	219	167,1	Dinh Hô BHK	Đất du đãc cấp C/N QSD đất	4	219	167,1	118,3	11,5	106,8				118,3	4,0	4.193,3	2,82%	11.238.500	1.458.994	56.192.500	5.760.000	7+648.994 OH						
7	Luu Van Phuong (Ba)	0260720 00361	54	177	190,8	Dinh Hô BHK	Đất du đãc cấp C/N QSD đất	4	177	190,8	190,8	190,8					190,8	7,0	15.722,0		18.126.000	2.353.136	90.630.000	10.080.000	121.189.136						
8	Luu Van Phuong (Ba)	0260720 00361	54	198	89,4	Dinh Hô BHK	Đất du đãc cấp C/N QSD đất	4	198	89,4	88,8	88,8					88,8				8.436.000	1.095.170	42.180.000		51.711.170						
9	Luu Van Phuong (Ba)	0260720 00361	54	196	103,5	Dinh Hô BHK	Đất du đãc cấp C/N QSD đất	4	196	103,5	10,6	10,6					10,6				1.007.000	1.30.750	5.035.000		6.172.750						
10	Luu Van Phuong (Ba)	0260720 00361	54	197	50,4	Dinh Hô BHK	Đất du đãc cấp C/N QSD đất	4	197	50,4	17,2	17,2					17,2				1.634.000	212.128	8.170.000		10.016.128						
11	Tổng				434,1					434,1	307,4	307,4	-	-	-	-	307,4	7,0	15.722,0	1,96%	29.203.000	3.791.164	146.015.000	10.080.000	189.089.164						
12	Luu Van Phuong (Ba)	0260730 11975	54	220	165,1	Dinh Hô BHK	Đất du đãc cấp C/N QSD đất	4	220	165,1	13,1	13,1					13,1	3,0	4.389,2	0,30%	1.244.500	161.562	6.222.500	4.320.000	11.948.562						
13	Tổng				29,2					29,2	29,2	29,2					29,2	3,0	159.616,0		2.774.000	360.124	13.870.000	4.320.000	21.334.124						

STT	Tên chủ sử dụng đất	Số CCCD	Thông tin hồ sơ địa chính					Thông tin theo mảnh trích đo địa chính thu hồi và giao đất			Diện tích thu hồi (m2)							Số thửa	Tổng DT đang sử dụng	Tỷ lệ % DTTH	Bồi thường, hỗ trợ về đất: 95.000đ/m2	Bồi thường hoa màu 12.333đ/m2	Hỗ trợ CDN 475.000đ/m2	Hỗ trợ ổn định đời sống theo nhân khẩu: 30*16.000đ*3=1.440.000đ/khẩu	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ	
			Số tờ	Số thửa	Tổng DT	Xử dụng	Loại đất	Nguồn gốc đất thu hồi	Số tờ	Số thửa	DT (m2)	Tổng DT	Trong chỉ giới	Ngoài chỉ giới	Trong đó											
															Quy 1	Thửa	Thiếu									Đất không có giấy tờ về QSD đất
13	Nguyễn Văn Hai (Lưu)	0260560 01647	54	131	176,6	Đinh Hồ	BHK	Đất dự án cấp GCN QSD đất	4	131	176,6	89,5	89,5					89,5				8.502.500	1.103.804	42.512.500	-	52.118.804
			54	152	71,6	Đinh Hồ	BHK	Đất dự án cấp GCN QSD đất	4	152	71,6	71,6	28,0	43,6					71,6				6.802.000	883.043	34.010.000	-
	Tổng			277,4						277,4	190,3	146,7	43,6	-	-	-	190,3	3,0	159.636,0	0,12%	18.078.500	2.346.970	99.392.500	4.320.000	115.137.970	
14	Trần Văn Năm (Khóa)	0260560 01758	54	98	63,3	Đinh Hồ	BHK	Đất dự án cấp GCN QSD đất	4	98	63,3	63,3	48,9	14,4				63,3	3,0	15.135,0		6.013.500	780.679	30.067.500	4.320.000	41.181.679
			54	114	71,9	Đinh Hồ	BHK	Đất dự án cấp GCN QSD đất	4	114	71,9	71,9	4,9	67,0					71,9				6.830.500	886.743	34.152.500	-
	Tổng			135,2						135,2	135,2	53,8	81,4	-	-	-	135,2	3,0	15.135,0	0,89%	12.844.000	1.667.422	64.220.000	4.320.000	83.051.422	
15	Nguyễn Văn Năm (Năm)	0260640 09494	54	130	66,9	Đinh Hồ	BHK	Đất dự án cấp GCN QSD đất	4	130	66,9	17,0	17,0					17,0	3,0	18.675,9		1.615.000	209.661	8.075.000	4.320.000	14.219.661
			54	115	83,9	Đinh Hồ	BHK	Đất dự án cấp GCN QSD đất	4	115	83,9	66,8	66,8					66,8				6.346.000	823.844	31.730.000	-	38.899.844
	Tổng			150,8						150,8	83,8	83,8	-	-	-	-	83,8	3,0	18.675,9	0,45%	7.961.000	1.033.505	39.805.000	4.320.000	53.119.505	
Tổng cộng					6.547,2						6.547,2	3.827,7	3.449,8	377,9	-	-	-	3.827,7	59,0	319.814,2		363.631.500	43.082.869	1.818.157.500	84.960.000	2.309.831.869

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Lan Phương

Nguyễn Thị Lan Phương

NGƯỜI SOÁT

Ôn Văn Tình

Ôn Văn Tình

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Lợi